TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 4 - 2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Trần Thị Lệ**

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: **Bà Võ Thị Hồng Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2023/TLST-HNG, ngày 09 tháng 3 năm 2023 về "**Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Võ Hoàng A,** sinh ngày 18/9/1968 *(có mặt)*

Địa chỉ thường trú: Ấp H1, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú và làm việc: Trung tâm giống G, số 731 đường T, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Bà Trần Thị U,** sinh ngày 15/01/1974 *(có mặt)*

Địa chỉ thường trú: Ấp H1, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Nơi cư trú: Hẻm 286 đường T, phường N, Quận K, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Hoàng A trình bày:***

Ông và vợ là bà Trần Thị U tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên giữa vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù ông bà đã cố gắng dàn xếp để chung sống cùng nhau lo cho con nhưng đến nay vẫn không dung hòa được, mâu thuẫn bất hòa vẫn không được giải quyết; vợ chồng nhận thấy không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân đến nay khoảng 07 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên ông Hoàng A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng A yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị U.

- Về con chung: Ông Hoàng A xác định ông và bà U chung sống có 03 (ba) người con chung tên Võ Văn N - sinh năm 1992, Võ Quang T – sinh ngày 10/9/2000 và Võ Trần Diệu L- sinh ngày 24/3/2007.

Đối với hai con chung tên Võ Văn N và Võ Quang T đã trưởng thành, nên ông Hoàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với người con chung tên Võ Trần Diệu L, ông Hoàng A yêu cầu giao cho ông được quyền nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hoàng A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị U trình bày:***

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Hoàng A về quan hệ hôn nhân chung sống với nhau từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, thống nhất trình bày của ông Hoàng A về con chung và tài sản chung, nợ chung; đồng thời bà U xác định ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng A như sau:

- Về hôn nhân: Bà xác định trong đời sống vợ chồng giữa hai bên đã phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn không thể dung hòa được, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 07 năm nay và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có khả năng đoàn tụ; do đó bà đồng ý ly hôn với ông Võ Hoàng A.

- Về con chung: Bà U xác định hai con chung tên Võ Văn N - sinh năm 1992 và Võ Quang T – sinh ngày 10/9/2000 đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với người con chung tên Võ Trần Diệu L- sinh ngày 24/3/2007, bà U đồng ý giao cho ông Hoàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; bà U tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kỳ đầu tiên vào ngày 01/4/2023.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà U thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Biên bản lập ngày 23/3/2023, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu Võ Trần Diệu L- sinh ngày 24/3/2007 (con chung giữa ông Hoàng A và bà U) như sau:** Cháu L xác định đang sinh sống cùng cha mẹ và được chăm sóc tốt; cháu có nguyện vọng được sống cùng với ông Hoàng A nếu cha mẹ ly hôn.

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn ông Võ Hoàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Trần Thị U cũng như yêu cầu về việc nuôi con chung; đồng thời xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết; ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trần Thị U giữ nguyên ý kiến đã trình bày về quan hệ hôn nhân, về việc nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung; riêng việc cấp dưỡng nuôi con bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Võ Hoàng A đang cư trú, làm việc tại địa chỉ: số 731 đường T, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang, khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn bà Trần Thị U và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung; đồng thời ông Hoàng A và bà U có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nơi ông Hoàng A cư trú, làm việc giải quyết tranh chấp giữa hai bên. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" và theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Hoàng A và bà Trần Thị U, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Võ Hoàng A và bà Trần Thị U đều thống nhất trình bày việc hai bên chung sống với nhau từ năm 1990 là hoàn toàn tự nguyện, mặc dù có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, ông Hoàng A và bà U xác nhận từ thời điểm ông bà chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990 cho đến thời điểm hiện tại, mặc dù cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng ông bà vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền; quá trình chung sống đến nay giữa hai bên phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông Hoàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà U, phía bà U cũng thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ*

đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003.....” và *“Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Đối chiếu các quy định nêu trên thì ông Võ Hoàng A và bà Trần Thị U đã không tuân thủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, nên quá trình chung sống với nhau như vợ chồng giữa ông Hoàng A và bà U từ năm 1990 đến nay không được pháp luật công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Hoàng A và bà Trần Thị U.

[3] Về quan hệ con chung: Ông Võ Hoàng A và bà Trần Thị U chung sống có 03 (ba) người con chung tên Võ Văn N - sinh năm 1992, Võ Quang T – sinh ngày 10/9/2000 và Võ Trần Diệu L- sinh ngày 24/3/2007.

Tại phiên tòa, ông bà thống nhất xác định hai người con chung tên Võ Văn N và Võ Quang T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với người con chung tên Võ Trần Diệu L, trên cơ sở nguyện vọng của con ông Hoàng A và bà U thống nhất thỏa thuận giao cháu L cho ông Hoàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của ông Hoàng A và ý kiến của bà U về việc nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu Linh. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông bà về việc nuôi con chung như trên và không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hoàng A và bà U thống nhất xác định không có, cam kết ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về tài sản và nợ đối với người khác; do đó không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Võ Hoàng A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Hoàng A và bà Trần Thị U.

2. Về quan hệ con chung: Ông Võ Hoàng A và bà Trần Thị U thống nhất xác định ông bà có 03 (ba) người con chung tên Võ Văn N - sinh năm 1992, Võ Quang T – sinh ngày 10/9/2000 và Võ Trần Diệu L- sinh ngày 24/3/2007.

Ông Hoàng A và bà U xác định hai người con chung tên Võ Văn N và Võ Quang T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Hoàng A và bà U về việc giao người con chung tên Võ Trần Diệu L- sinh ngày 24/3/2007 cho ông Hoàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con do ông Hoàng A và bà U không có yêu cầu.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Võ Hoàng A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Hoàng A đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0007121 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/4/2023).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Lê Thị Mỹ	**Trần Thị Lệ**	**Huỳnh Kim Yến**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến